

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 378/2023/DS-PT

Ngày: 30 - 3 - 2023

V/v: Tranh chấp Hợp đồng
dịch vụ pháp lý.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ánh

Các Thẩm phán:

1. Bà Lê Thị Ngọc Hương

2. Bà Trần Thị Quỳnh Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Vào ngày 30/3/2023, tại Phòng xử án dân sự Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2023/TLPT-DS ngày 12/01/2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2022/DS-ST ngày 23/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố H bị ông Trần Văn Th (nguyên đơn) kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 512/2023/QĐ-PT ngày 09/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 2539/2023/QĐ-PT ngày 09/03/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Trần Văn Th**, sinh năm 1986.

Thường trú: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh T; Địa chỉ liên lạc: Số 1084, đường L, Ấp B, xã N, huyện N, Thành phố H (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: **Ông Lê Văn Bài E**, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số 1921/12/6, đường L (số cũ 3/16), Hẻm M, Ấp B1, xã N, huyện N, Thành phố H, (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn Th trình bày:

Ngày 10/02/2020, ông và ông Lê Văn Bài E có ký hợp đồng dịch vụ pháp lý, theo đó ông Th tư vấn và tham gia giải quyết vấn đề ly hôn, phân chia tài sản

chung vợ chồng cho ông Lê Văn Bài E. Phí dịch vụ pháp lý là 10% giá trị tài sản mà ông E nhận được theo quy định của pháp luật. Sau đó ngày 01/4/2020, ông E nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố H và tạm tính giá trị căn nhà, thửa đất ở địa chỉ 3/16, Ấp B1, xã N, huyện N, Thành phố H mà ông yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ là 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án đang giải quyết vụ án thì ông E rút đơn khởi kiện mà không thông báo cho ông Th biết. Ngày 26/7/2020, ông E nhắn tin cho ông Th với nội dung: *“Tôi đã bị tai biến liệt $\frac{1}{2}$ người hiện đang nằm bệnh viện gia đình, không thể tiếp xúc với mọi người, do tòa án đã hủy hồ sơ ly hôn không gọi điện cho tôi nhé!”*. Sau đó qua tìm hiểu ông Th được biết, ngày 23/7/2020 Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố H đã ra Quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án số: 233/2020/QĐST-HNGĐ với lý do: *“nguyên đơn tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện”*.

Theo quy định tại khoản 5 điều 5 của hợp đồng thì: *“Trong quá trình Bên A đang thực hiện Hợp đồng (công việc), Bên B tuyệt đối không được đơn phương chấm dứt Hợp đồng với Bên A hoặc tự ý thực hiện công việc mà không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A. Nếu Bên B vi phạm, thì Hợp đồng chấm dứt và ngay lập tức Bên B phải trả 100% (một trăm phần trăm) phí dịch vụ nêu tại điều 3 của Hợp đồng cho Bên A (cho dù công việc vẫn chưa hoàn thành) và phải trả các khoản chi phí khác cho Bên A (nếu có). Thêm vào đó, Bên B còn phải chịu phạt 10% (mười phần trăm) giá trị tài sản của Bên B”*. Do ông E vi phạm hợp đồng như trên nên ông Th yêu cầu Tòa án buộc ông E phải trả 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng tiền phí dịch vụ, 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng tiền phạt do vi phạm hợp đồng và khoản tiền lãi do chậm trả tiền tính đến ngày 23/5/2022 là 54.500.000 (năm mươi bốn triệu năm trăm nghìn) đồng; Tổng cộng là 654.500.000 (sáu trăm năm mươi bốn triệu năm trăm nghìn) đồng và phải trả tiền lãi phát sinh sau ngày Tòa án xét xử cho đến khi thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Lê Văn Bài E vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố H giải quyết vụ án và không có bản tự khai, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2022/DS-ST ngày 23/5/2022, Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố H đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn Th đối với bị đơn ông Lê Văn Bài E về việc yêu cầu ông Lê Văn Bài E thanh toán thù lao, tính lãi suất chậm thanh toán và phạt vi phạm hợp đồng, tổng cộng là 654.500.000 (sáu trăm năm mươi bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn Th phải chịu án phí là 30.180.000 (ba mươi triệu một trăm tám mươi nghìn) đồng, được căn trừ vào tạm ứng án phí 14.437.260 theo Biên lai thu tạm ứng số 0073614 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố H. ông Th còn

phải nộp 15.742.740 (mười lăm triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm bốn mươi) đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự và các quy định của pháp luật về thi hành án.

Ngày 06/6/2022, ông Trần Văn Th (nguyên đơn) kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm.

Tại cấp phúc thẩm: Nguyên đơn ông Trần Văn Th không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo.

** Nguyên đơn ông Trần Văn Th trình bày tại Bản tự khai ngày 15/3/2023 và Biên bản làm việc ngày 15/3/2023 của Tòa án như sau:* Tại cấp sơ thẩm, ông yêu cầu ông Lê Văn Bài E phải trả cho ông tiền phí dịch vụ là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng tiền phạt vi phạm hợp đồng và tiền lãi là 54.500.000 (năm mươi bốn triệu năm trăm nghìn) đồng; Tổng cộng là 654.500.000 (sáu trăm năm mươi bốn triệu năm trăm nghìn) đồng. Nay, ông tự nguyện xin thay đổi yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, ông chỉ yêu cầu ông Lê Văn Bài E trả cho ông số tiền 550.000 (năm trăm năm mươi nghìn) đồng, các yêu cầu khác ông xin rút. Án phí dân sự sơ thẩm ông tự nguyện nộp.

** Bị đơn ông Lê Văn Bài E trình bày tại Biên bản lấy lời khai của Tòa án ngày 10/3/2023 như sau:* Ông bị bệnh tai biến, không tự viết được bản tự khai nên đề nghị Tòa án lấy lời khai của ông. Ông không kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm.

Trong thời gian ông Trần Văn Th đại diện theo ủy quyền của ông, thì ông Th có đưa cho ông số tiền 550.000 (năm trăm năm mươi nghìn) đồng, việc giao tiền hai bên không lập văn bản. Nay nếu ông Trần Văn Th đồng ý thỏa thuận thì ông đồng ý trả lại cho ông Trần Văn Th số tiền 550.000 (năm trăm năm mươi nghìn) đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực. Do ông bị bệnh, đi lại khó khăn nên ông xin vắng mặt trong quá trình Tòa án nhân dân các cấp giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm như sau: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Đơn kháng cáo của ông Trần Văn Th (nguyên đơn) nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ nên chấp nhận. Về nội dung: Tại cấp phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Về thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Ngày 23/5/2022, Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố H tuyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2022/DS-ST. Ngày 06/6/2022, ông Trần Văn Th (nguyên đơn) kháng cáo. Đơn kháng cáo của nguyên đơn thực hiện trong thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hợp lệ nên chấp nhận.

[1.2] Sự có mặt, vắng mặt của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn Th (nguyên đơn) và ông Lê Văn Bài E (bị đơn) có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại đơn kháng cáo, ông Trần Văn Th yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm; đồng thời buộc bị đơn phải trả cho ông tiền phí dịch vụ, tiền phạt vi phạm hợp đồng và tiền lãi tổng cộng là 654.500.000 (sáu trăm năm mươi bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

Tại cấp phúc thẩm, ông Trần Văn Th thay đổi yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, ông Trần Văn Th chỉ yêu cầu ông Lê Văn Bài E trả số tiền 550.000 (năm trăm năm mươi nghìn) đồng, các yêu cầu khác ông xin rút. Bị đơn ông Lê Văn Bài E đồng ý với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện và thay đổi yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Xét, người kháng cáo ông Trần Văn Th thay đổi yêu cầu khởi kiện và rút một phần kháng cáo là tự nguyện, phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên chấp nhận.

[2]. Về nội dung:

Tại cấp phúc thẩm, ông Trần Văn Th (nguyên đơn) và ông Lê Văn Bài E (bị đơn) thỏa thuận về việc: Ông Lê Văn Bài E trả cho ông Trần Văn Th số tiền 550.000 (năm trăm năm mươi nghìn) đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đại đức xã hội, nên Hội đồng xét xử sửa Bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu tại phiên tòa.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn Th phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Th đã nộp là 14.437.260 (mười bốn triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi) đồng theo Biên lai thu số: AA/2019/0073614 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố H. Hoàn trả cho ông Trần Văn Th số tiền chênh lệch còn lại là: 14.137.260 (mười bốn triệu một trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi) đồng theo biên lai thu nói trên.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa Bản án sơ thẩm nên ông Trần Văn Th không phải nộp. Hoàn trả cho ông Trần Văn Th số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số: AA/2021/0037989 ngày 09/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 298, Điều 300 và Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 117, 131, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 226 Luật Luật sư;

Căn cứ Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn Th (bị đơn), sửa Bản án dân sự sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1.1. Ông Lê Văn Bài E phải trả cho ông Trần Văn Th số tiền 550.000 (năm trăm năm mươi nghìn) đồng phát sinh từ “Hợp đồng dịch vụ pháp lý” về việc tư vấn và tham gia giải quyết vấn đề phân chia tài sản chung vợ chồng, lập ngày 10/02/2020 giữa ông Trần Văn Th và ông Lê Văn Bài E. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn Th phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Th đã nộp là 14.437.260 (mười bốn triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi) đồng theo Biên lai thu số: AA/2019/0073614 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố H. Hoàn trả cho ông Trần Văn Th số tiền chênh lệch còn lại là: 14.137.260 (mười bốn triệu một trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi) đồng theo biên lai thu nói trên.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn Th không phải nộp. Hoàn trả cho ông Trần Văn Th số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số: AA/2021/0037989 ngày 09/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố H.

Các bên đương sự thi hành tại Cơ quan Thi hành dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- TAND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Ánh